SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

Số: 139/BC-THPTTB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1635/SGDĐT-KHTC ngày 29/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác công khai năm học 2020-2021 theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Trường THPT Tân Bình báo cáo kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2020-2021 như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2019-2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, lớp, học sinh năm học 2019-2020.

- CBQL: 04 người (đủ).
- Giáo viên dạy lớp: 78 người.
- Giáo viên phụ trách các phòng ban và khối văn phòng: 15 người (TV: 01, VT: 01, KT: 01, Thiết bị: 01, TTDL: 01, Y tế: 01, Phụ trách phòng chức năng: 03, TPTĐ: 01, BV: 02, NVPV: 01, Giám thị: 02).
- Số học sinh:

KHỐI LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH
6	8	315
7	7	264
8	6	215
9	6	197
10	6	205
11	6	192
12	5	162
Cộng	**44**	**1550**

2. Tình hình chất lượng đội ngũ

- CBQL: 01 PHT đạt trình độ trên chuẩn.

- Giáo viên trực tiếp đứng lớp:

+ Cấp THPT: 38 (trên chuẩn: 04).

+ Cấp THCS: 40 (trên chuẩn: 26).

Theo định biên năm học 2019-2020, còn thiếu biên chế ở một số môn đối với bậc THCS: KTNN, tiếng Anh, Địa, Nhạc, Họa, Sử, Toán.

- 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ A tin học cơ bản. 95% cán bộ, giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 1 hoặc tương đương trở lên.

3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới của nhà trường năm học 2019-2020

- Trường được đầu tư 25 phòng học sử dụng bảng tương tác thông minh, hệ thống Wifi, 26 camera giám sát trong khuôn viên trường học.

- Thường xuyên sửa chữa hệ thống đèn, quạt, bàn ghế.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019-2020

1. Kết quả

1.1. Việc thực hiện Biểu mẫu 9 về cam kết chất lượng giáo dục: Trường đã thực hiện tương đối tốt các tiêu chí như: Điều kiện tuyển sinh; Chương trình giáo dục; Yêu cầu về phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục; Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

1.2. Việc thực hiện Biểu mẫu 10 về công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường: Trường đã thống kê cụ kết quả 2 mặt giáo dục, số học sinh TN THCS, THPT; số học sinh giỏi các kỳ thi,…

1.3. Việc thực hiện Biểu mẫu 11 về công khai cơ sở vật chất của trường: Trường đã thống kê số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học, máy vi tính…

1.4. Việc thực hiện Biểu mẫu 12 về công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của trường: Trường công khai rõ ràng, chi tiết đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên từng bộ môn, nhân viên...

2. Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 3 công khai của Trường

- Trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung công khai theo hướng dẫn của TT 36/2017/TT-BGDĐT (biểu mẫu 9, 10,11,12).

- Về hình thức: Trường niêm yết công khai tại bảng tin, công khai trong các kỳ họp, Đại hội CMHS, công khai trên website của trường. Thường xuyên cập nhật vào cuối mỗi học kỳ, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG NĂM HỌC 2020-2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021

1. Khái quát tình hình nhà trường (trung tâm) đầu năm

1.1. Nêu khái quát số lượng cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), lớp, học sinh (HS) đầu năm học 2020-2021.

Năm học 2020-2021, trường tiếp nhận 03 viên chức là giáo viên về công tác tại trường (01 Ngữ văn cấp THPT, 01 Tiếng anh cấp THPT; 01 Sử cấp THCS); 01 viên chức (giám thị) được ra lớp dạy Nhạc (THCS); 02 viên chức phòng bộ môn được ra lớp dạy bậc THCS (01 môn Tin học; 01 môn Sinh học). Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên toàn đơn vị là 97. Trong đó:

- CBQL: 04 người (đủ).
- Giáo viên dạy lớp: 83 người.
- Khối văn phòng: 10 người (TV: 01, VT: 01, KT: 01, Thiết bị: 01, TTDL: 01, TPTĐ: 01, Y tế: 01, BV: 02, NVPV: 01).
- Số học sinh:

KHỐI LỚP	SỐ LỚP	SỐ HỌC SINH
6	8	347
7	7	300
8	6	269
9	6	201
10	6	204
11	5	203
12	5	185
Cộng	**44**	**1710**

1.2. Tình hình chất lượng đội ngũ

- CBQL: 01 PHT đang theo học chương tình sau đại học chuyên ngành QLGD tại trường ĐH Thủ Dầu Một.
- Giáo viên trực tiếp đứng lớp:

+ Cấp THPT: 38 (trên chuẩn: 04).

+ Cấp THCS: 45 (trên chuẩn: 31).

- 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ A tin học cơ bản. 95% cán bộ, giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ từ bậc 1 hoặc tương đương trở lên.
- Trình độ Trung cấp Lý luận Chính trị-Hành chính: 06/83 giáo viên.

- Bồi dưỡng CBQL: 01/83 giáo viên.

2. Tình hình công tác công khai đầu năm học 2020-2021

Trường tiếp tục thực hiện công khai vào đầu tháng 10 các biểu mẫu 9,10,11,12 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT. Tổ chức niêm yết tại nơi dễ nhìn, dễ thấy và bằng nhiều hình thức.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2020-2021

1. Mục tiêu thực hiện công tác 3 công khai của Trường

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường.

- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trường học.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, tình hình đội ngũ và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung 3 công khai các yêu cầu Biểu mẫu 9,10,11,12 (theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

Nhằm cung cấp kịp thời, chính xác các số liệu giúp toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể nắm bắt được tình hình thực tế của đơn vị.

3. Định hướng các giải pháp thực hiện

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, cấp trên.

- Thường xuyên công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường; niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học được biết; đưa lên website của nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Nơi nhận:
- VP Sở GDĐT;
- T.Phương (Phòng KHTC);
- Lưu: VT.

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Năm học 2020– 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	348 học sinh chia thành 8 lớp	300 học sinh chia thành 7 lớp	269 học sinh chia thành 6 lớp	201học sinh chia thành 6 lớp	204 học sinh chia thành 6 lớp	203 học sinh chia thành 5 lớp	185 học sinh chia thành 6 lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện

		thống nhất, đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	nhất,đồng thuận ,thường xuyên.	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội Thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội Thiếu niên niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đội Thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.

					sinh.	cho học sinh.	cho học sinh.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 100%;	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 100%;
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	100%	100%	100%	85% học Đại học

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1370	249	225	177	194	191	181	155
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	153	53	34	33	3	14	9	7
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	25	13	5	5	0	0	2	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	279	74	53	56	25	25	27	19
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	575	83	94	59	73	93	85	88
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	617	125	106	80	96	83	76	51
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	39	12	4	10	3	3	3	4
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	40	21	7	10	0	1	1	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1475	282	253	195	194	201	188	162
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	279	74	53	56	25	25	27	19
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	575	83	94	59	73	93	85	88

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	132	51	28	33	0	15	5	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	75	33	11	20	3	4	4	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	26	8	6	3	4	2	1	2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	17	6	1	6	1	0	2	1
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**								
1	Cấp huyện	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	0	1	0	1	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế								
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	386				197			162
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					194			162
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					25			19
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					73			88
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					96			55
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)								
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	1550/807	315/149	264/136	215/106	197/95	205/123	192/103	162/95
162/IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	3	2	0	0	0	1	0	0

Tân Bình, ngày 02. tháng 10. năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019- 2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	28	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	27	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	01	
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	28	
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35/lớp	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	29.643	20.05
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	15.728	10.66
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1104m^2	0.76
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	228 m^2	0.15
3	Diện tích thư viện (m^2)	72 m^2	0.04
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	0
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	16 m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	14 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	2	2/7
1.2	Khối lớp 7	2	2/6
1.3	Khối lớp 8	2	2/6

1.4	Khối lớp 9	2	2/6
1.5	Khối lớp 10	2	2/6
1.6	Khối lớp 11	2	2/5
1.7	Khối lớp 12	2	2/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	100	6,4HS/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**		
2	**Cát xét**	4	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	28	
5	**Thiết bị khác...**		
6	**.....**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	2	9/9		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	C..Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**97**													
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**78**													
1	Toán	14		1	8	5			12	2			14		
2	Lý	7		1	4	2			5	2			7		
3	Hóa	6			6				4	2			6		
4	Sinh	5			3	2			4	1		1	4		
5	KTCN	1			1				1				1		
6	KTNN	1			1				1				1		
7	Văn	12		2	7	3			6	6			12		
8	Sử	3			3				2	1			3		
9	Địa	3			2	1			2	1		1	2		
10	GDCD	4			4				2	2			4		
11	Anh	9			9				6	3			9		
12	Tin học	4			4				1	3			4		
13	Thể dục	6			6				3	3			6		
14	Quốc phòng	1			1				1				1		
15	Nhạc	1			1					1			1		
16	Họa	1			1					1			1		
II	**Cán bộ quản lý**	**4**													
1	Hiệu trưởng	1		1									1		
2	Phó hiệu trưởng	3			3								3		
III	**Nhân viên**	**15**													

1	Nhân viên văn thư	1					1						1			
2	Nhân viên kế toán	1			1								1			
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1						1			
5	Nhân viên thư viện	1					1						1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1			1			
7	Phòng nghe nhìn	1				1			1				1			
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1				1				1			
9	Giám thị	2				2			2				2			
10	TPT Đội	1			1				1				1			
11	Phòng sinh	1			1					1			1			
12	Phòng vi tính	1			1				1				1			
13	Bảo vệ	2						2						2		
14	Phục vụ	1						1						1		

Tân Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, Năm học 2020– 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	348 học sinh chia thành 8 lớp	300 học sinh chia thành 7 lớp	269 học sinh chia thành 6 lớp	201học sinh chia thành 6 lớp	204 học sinh chia thành 6 lớp	203 học sinh chia thành 5 lớp	185 học sinh chia thành 6 lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)	Thực hiện theo khung PPCT của Bộ GD&ĐT, phân cấp tổ CM thống nhất định khung chương trình để giảng dạy (37tuần /năm)
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của	Họp CMHS 04 kỳ trong năm, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, thông báo định kỳ kết quả điểm số, thực hiện nội quy của học sinh qua tin nhắn điện

		thống nhất, đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	nhất,đồng thuận ,thường xuyên.	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	học sinh qua tin nhắn điện tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân	tử. Thực hiện thống nhất,đồng thuận ,thường xuyên. Tích cực, chủ động, sáng tạo, trung thực trong học tập, có thái độ học tập đúng đắn, tự xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội Thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện). Đội Thiếu niên niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đội Thiếu niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập	Tổ chức sinh hoạt ngoài giờ lên lớp 2tiết/ tháng (phân công GVCN thực hiện), tổ chức giáo dục hướng nghiệp 1 tiết/tháng(BGH thực hiện). Đoàn thanh niên và các tổ CM tổ chức các hoạt động vui chơi, ngoại khóa hỗ trợ việc học tập cho học sinh.

					sinh.	cho học sinh.	cho học sinh.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 100%;	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 99.5%; Trung bình: 0.5%	Kết quả đạo đức: Tốt, khá: 100%;
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	100%	100%	100%	85% học Đại học

Tân Bình, ngày ....tháng .... năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Chế Cường

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1370	249	225	177	194	191	181	155
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	153	53	34	33	3	14	9	7
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	25	13	5	5	0	0	2	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	279	74	53	56	25	25	27	19
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	575	83	94	59	73	93	85	88
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	617	125	106	80	96	83	76	51
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	39	12	4	10	3	3	3	4
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	40	21	7	10	0	1	1	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	1550	315	264	215	197	205	192	162
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1475	282	253	195	194	201	188	162
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	279	74	53	56	25	25	27	19
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	575	83	94	59	73	93	85	88

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	132	51	28	33	0	15	5	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	75	33	11	20	3	4	4	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	26	8	6	3	4	2	1	2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	17	6	1	6	1	0	2	1
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**								
1	Cấp huyện	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	0	1	0	1	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế								
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	386				197			162
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					194			162
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					25			19
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					73			88
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					96			55
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)								
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	1550/807	315/149	264/136	215/106	197/95	205/123	192/103	162/95
162/IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	3	2	0	0	0	1	0	0

Tân Bình, ngày .... tháng .... năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019- 2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	28	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	27	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	01	
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	28	
7	Bình quân lớp/phòng học	1.5	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35/lớp	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	29.643	20.05
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	15.728	10.66
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1104m^2	0.76
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	228 m^2	0.15
3	Diện tích thư viện (m^2)	72 m^2	0.04
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	0
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	16 m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	14 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	2	2/7
1.2	Khối lớp 7	2	2/6
1.3	Khối lớp 8	2	2/6

1.4	Khối lớp 9	2	2/6
1.5	Khối lớp 10	2	2/6
1.6	Khối lớp 11	2	2/5
1.7	Khối lớp 12	2	2/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	100	6,4HS/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**		
2	**Cát xét**	4	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	28	
5	**Thiết bị khác...**		
6	**…..**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác...	0	
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	C..Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**97**													
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**78**													
1	Toán	14		1	8	5			12	2			14		
2	Lý	7		1	4	2			5	2			7		
3	Hóa	6			6				4	2			6		
4	Sinh	5			3	2			4	1		1	4		
5	KTCN	1			1				1				1		
6	KTNN	1			1				1				1		
7	Văn	12		2	7	3			6	6			12		
8	Sử	3			3				2	1			3		
9	Địa	3			2	1			2	1		1	2		
10	GDCD	4			4				2	2			4		
11	Anh	9			9				6	3			9		
12	Tin học	4			4				1	3			4		
13	Thể dục	6			6				3	3			6		
14	Quốc phòng	1			1				1				1		
15	Nhạc	1			1					1			1		
16	Họa	1			1					1			1		
II	**Cán bộ quản lý**	**4**													
1	Hiệu trưởng	1		1									1		
2	Phó hiệu trưởng	3			3								3		
III	**Nhân viên**	**15**													

1	Nhân viên văn thư	1					1						1		
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1						1		
5	Nhân viên thư viện	1					1						1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1			1		
7	Phòng nghe nhìn	1				1			1				1		
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1				1				1		
9	Giám thị	2				2			2				2		
10	TPT Đội	1			1				1				1		
11	Phòng sinh	1			1					1			1		
12	Phòng vi tính	1			1				1				1		
13	Bảo vệ	2						2						2	
14	Phục vụ	1						1						1	

Tân Bình, ngày 2. tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường